

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 249/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2020, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị **Trần Thị Mỹ L**, sinh năm: 1993

Địa chỉ: Thôn 1, xã P, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- **Bị đơn:** Anh **Trương Quang T**, sinh năm: 1988

Địa chỉ: Thôn 1, xã N, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 55, 56, 81, 82, 83, 84 và 107 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Mỹ L và anh Trương Quang T.

2- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ L và anh Trương Quang T thuận tình ly hôn.

2.2- Về con chung:

Giao 01 con chung là cháu Trương Quang Phúc C1, sinh ngày 27/02/2013 cho chị Trần Thị Mỹ L có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Anh Trương Quang T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000đ (*Một triệu đồng*). Thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

Về quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.3- Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về “Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Chị Trần Thị Mỹ L phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0004701 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Chị Trần Thị Mỹ L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

Anh Trương Quang T phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

3- Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4- Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND, TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND, Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã N, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký

Nguyễn Đức Trường

